

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 324/UBND-TH  
V/v báo cáo phân bổ kế  
hoạch vốn đầu tư công năm  
2020

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 01 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 -2020, vốn cân đối ngân sách địa phương và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2020 nguồn vốn ngân sách Trung ương.

UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công các dự án thuộc địa phương quản lý năm 2020 như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn Trung ương giao: 4.914.678 triệu đồng, trong đó:
  - Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 3.075.950 triệu đồng (bao gồm vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.000.000 triệu đồng).
  - Nguồn vốn ngân sách trung ương là: 1.838.728 triệu đồng.
2. Tổng kế hoạch vốn địa phương giao là 5.914.678 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 4.075.950 triệu đồng (bao gồm vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 2.000.000 triệu đồng). Kế hoạch vốn tỉnh giao cao hơn so với Thủ tướng Chính phủ giao 1.000.000 triệu đồng do tỉnh giao tăng 1.000.000 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương là: 1.838.728 triệu đồng.

Kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: C, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, TH.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**

BÁO CÁO PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2020



(Số 324/UBND-TH ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Vốn đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Trong đó						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN					Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>				17.014.093	16.808.544	7.940.361	4.313.795	-	5.914.678	277.121	70.500	-	-	-
<b>A</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				17.014.093	16.808.544	7.940.361	4.313.795	-	5.914.678	277.121	70.500	-	-	-
<b>A.1</b>	<b>Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương</b>				11.920.565	11.920.565	5.640.624	3.145.992	-	4.075.950	227.060	68.250	-	-	-
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối NSDP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết)</b>				11.920.565	11.920.565	5.640.624	3.145.992	-	4.037.450	227.060	68.250	-	-	-
<b>I.1</b>	<b>Cấp tỉnh quản lý</b>				11.920.565	11.920.565	4.640.624	2.056.992	-	3.144.110	227.060	68.250	-	-	-
<b>1</b>	<b>Xử lý nợ động xây dựng cơ bản và bố trí trả nợ quyết toán</b>									30.000		30.000			
<b>2</b>	<b>Bố trí hoàn ứng và trả nợ ngân sách</b>							123.000	-	105.000	66.750	38.250			
	Đường bờ Nam sông Trà Khúc	7360606						100.000		50.000	50.000				
	Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng giai đoạn 2	7209921						15.000		15.000	15.000				
	Tuyến đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	7534086						8.000		1.750	1750				
	Bổ sung trả nợ gốc									38.250		38.250			

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó, Vốn NSNN					Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
<b>3</b>	<b>Đổi ứng các dự án ODA</b>				<b>2.054.285</b>	<b>2.054.285</b>	<b>612.811</b>	<b>238.459</b>	-	<b>39.160</b>	-	-			
	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA 2)	7371301	2012-2021	1417/QĐ-UBND, 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND, 06/9/2017	201.986	201.986	54.282	18.911		2.770					
	Dự án Quản lý thiên tai (WB5)		2013-2018		292.581	292.581	123.325	75.628		7.500					
	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung – tỉnh Quảng Ngãi	7624218	2017-2020	542/QĐ-UBND, 29/3/2017	437.310	437.310	380.000	119.500		20.500					
	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)				766.100	766.100	900			900					
	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	7803981			220.708	220.708	800			800					
	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)				28.600	28.600	21.441	18.373		3.060					
	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	7678249			107.000	107.000	32.063	6.047		3.630					
<b>4</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>									<b>15.000</b>					
<b>5</b>	<b>Bố trí thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP</b>				<b>331.217</b>	<b>331.217</b>	-	<b>94.107</b>	-	<b>143.000</b>					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh	7653951		1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	111.736	111.736		23.000		20.000					
	ĐT XD tuyến đường Phan Bội Châu nối dài	7680097		2594/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000		7.596		5.000					
	Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận.	7678247		0	69.986	69.986		25.000		5.000					
	Đường vào vùng lõi trang trại bò sữa Vinamilk			4797/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	20.000	20.000		14.000		3.000					
	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	7721768		1928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	45.000	45.000		10.500		10.000					
	Đường vào công viên Nghĩa Trang Sơn Viên Lạc Cảnh	7782601		1336/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	14.995	14.995		5.000		8.000					
	Hỗ trợ đầu tư khẩn cấp khu TĐC để di dời các hộ dân tại Bãi chôn lấp rác sinh hoạt Nghĩa Kỳ				49.500	49.500		9.011		10.000					
	Còn lại phân khai sau									82.000					
6	Chương trình xây dựng nông thôn mới									160.900	6.500				
7	Bổ trí thực hiện Chương trình ATK									10.000					
8	Vốn bố trí cho các dự án									1.026.390					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước
8.1	<b>Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020</b>				2.029.523	2.003.523	331.800	1.020.594	-	93.000					
	Đê kê Hòa Hà	7241663	2010-2015	1091/QĐ-UBND, 30/10/2009; 784/QĐ	168.407	168.407	27.500	39.500		8.000					
	Bố trí thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng		2016-2020		50.000	50.000	50.000	40.000		10.000					
	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	7241654	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	397.712	20.000	20.000		5.000					
	Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (giai đoạn I)	7019241	2014-2018	648/QĐ-UBND 29/4/2014	1.113.277	1.113.277	90.000	713.500		50.000					
	Rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Lý Sơn	7004686	2011-2017	966/QĐ-UBND, 8/7/2011	20.110	20.110	10.000	20.700		2.000					
	Khu chính trị - hành chính huyện Sơn Tịnh (mới)	7486428	2014-2018	1612/QĐ-UBND, 30/10/2014	173.015	173.015	100.000	136.000		3.000					
	Hồ chứa nước Hồ Sỏ	7486625	2014-2016	1342/QĐ-UBND, 19/9/2014	18.502	18.502	8.300	14.394		2.000					
	Đường Nghĩa trang liệt sỹ - Nước Rạc	7287538	2015-2017	1434/QĐ-UBND, 30/9/2011	88.500	62.500	26.000	36.500		4.000					
	Chưa phân khai									9.000					
8.2	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020</b>				9.765.716	9.765.716	4.179.725	2.404.290	-	933.390					
	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (đoạn km0-km22+336)	7248319	2016-2020	681/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	256.796	256.796	100.000	65.000		35.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước
	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - đá Chát), từ KM0-KM8	7630548	2018-2022	2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	100.000	100.000	30.000	29.300		700					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2	7642813	2018-2022	2003/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	167.362	167.362	40.000	34.400		5.600					
	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	7678250	2018-2021	1994/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.498.000	1.498.000	150.000	-		50.000					
	Cầu Sông Rìn	7709824	2018-2021	1680/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	245.000	245.000	130.000	40.000		25.802					
	Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trà Bồng	7603659	2018-2020	556/QĐ-UBND, 31/3/2017	170.000	170.000	65.000	57.000		8.000					
	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	7641539	2018-2020	2012/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	99.995	99.995	70.000	32.500		16.938					
	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	7653950	2018-2020	2028/QĐ-UBND, 31/10/2017	25.000	25.000	14.200	12.200		2.000					
	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020 (giai đoạn 1)	7269438	2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	806.043	17.000	19.000		3.000					
	Mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước đường số 8 KCN Tịnh Phong	7617695	2017-2019	235/QĐ-BQL ngày 24/7/2017	19.463	19.463	17.000	14.000		3.000					
	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong (giai đoạn 1)	7620903	2017-2019	254/QĐ-BQL ngày 16/8/2017	47.190	47.190	40.000	32.000		8.000					
	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Phước Hoàng	7652169	2018-2020	421/QĐ-BQL ngày 30/10/2017	30.000	30.000	20.000	18.300		1.700					
	Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	7621599	2018-2022	1979/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	278.000	278.000	172.500	79.500		30.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Làng thanh niên lập nghiệp Sơn Bua	7495178	2017-2020	978/QĐ/TWĐTN-TNXP ngày 30/10/2015	55.107	55.107	15.000	8.000		7.000					
	Hệ thống điều khiển, lưu trữ, phát sóng và thiết bị sản xuất chương trình truyền hình tại trung tâm theo chuẩn HD	7699170	2018-2019	2030/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.000	15.000	12.000	7.200		2.000					
	Nhà văn hóa lao động tỉnh	7699376	2017-2018	1584/QĐ-TLĐ, 14/9/2017	40.000	40.000	10.000	8.000		2.000					
	Trụ sở làm việc Trạm CSGT đường thủy	7004692	2018-2019	3316/QĐ-SXD ngày 27/10/2017	6.000	6.000	5.000	4.200		800					
	Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh	7004692	2018-2020	2032/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	13.500	11.700		1.500					
	Xây dựng trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi - phần NS tỉnh hỗ trợ	7004692	2018-2019		99.500	99.500	16.500	12.000		3.000					
	Trường bán, thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Quảng Ngãi	7004686	2016-2018		33.000	33.000	23.500	22.125		1.000					
	Đường hầm SCH cơ bản Bình Sơn	7004686	2020-2022	675/QĐ-UBND 03/5/2018; 223/QĐ-BTL, 27/02/2019	31.000	31.000	12.000	7.400		4.600					
	Xây dựng mới Đồn Biên phòng Bình Hải	7004686	2018-2020	2002/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	14.000	8.200		4.000					
	Đường kè Bắc sông Trà Bồng (đoạn hạ lưu cầu Châu Ô)	7534165	2017-2020	2173/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	72.000	72.000	29.000	24.000		5.000					
	Đường vào đập tràn Vực Bà	7652172	2018-2020	1980/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	15.000	15.000	13.000	9.200		3.000					



TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh)	7666165	2018-2020	2007/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	27.500	27.500	20.000	16.000		4.000					
	Tuyến D9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	7641537	2018-2021	1984/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	100.913	100.913	20.000	17.300		2.700					
	Cầu Thạch Bích	7557903	2016-2020	323/QĐ-UBND 03/3/2016	643.184	643.184	511.000	501.242		9.700					
	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	7561919	2016-2020	1964a/QĐ-UBND, 30/10/2015	296.459	296.459	190.000	163.573		20.000					
	Cầu An Phú qua sông Phú Thọ	7633102	2017-2021	1192/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	169.000	169.000	115.000	85.000		25.000					
	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Mỹ	7602141	2017-2020	2128/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	47.036	47.036	42.000	40.000		1.000					
	Đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà	7605042	2017-2021	1668/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	114.000	114.000	43.000	33.000		10.000					
	Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành, đoạn qua huyện Tư Nghĩa (gd2)	7652129	2018-2019	1967/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	25.000	25.000	15.200	10.200		4.000					
	Hệ thống tiêu nước nổi các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng	7490060	2018-2020	2124/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	35.000	35.000	30.000	22.000		8.000					
	Tuyến đường Đông thị trấn Mộ Đức (Đường nội thị)	7620909	2017-2020		70.000	70.000	26.500	21.000		5.500					
	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	7625718	UBND TP Quảng Ngãi	2136/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.900	49.900	39.000	28.000		6.000					
	Cầu sông Phước Giang (thôn 2 Long Hiệp đi qua)	7611797	2017-2020	2147/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	79.987	79.987	60.000	53.000		5.000					
	Đường Ba Tư - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	7605443	2017-2020	2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	120.000	120.000	65.000	61.000		4.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Cầu Nước Sung, xã Ba Vinh	7662862	2018-2019	1456/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.800	6.800	6.000	5.100		500					
	Đường ĐH 72 (đoạn Sơn Cao - Sơn Kỳ)	7577709	2016-2018	2152/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	39.400	39.400	32.000	30.000		1.000					
	Đường Sơn Thủy - Giá Gối	7597910	2017-2020	2087/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	47.200	47.200	42.000	33.500		5.000					
	Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo	7489876	2017-2019	2127/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	67.969	67.969	60.000	31.500		8.100					
	Đường Trà Tân - Trà Nham	7608078	2017-2020	2148/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.989	49.989	45.000	35.000		7.000					
	Cầu Suối Nang 2	7652168	2018-2019	2329/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	10.000	10.000	8.000	7.200		500					
	Đường Eo chim - Trà Nham - dốc Bình Minh	7612865	2017-2020	2142/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.249	63.249	58.000	48.000		8.000					
	Tuyến đường số 2 trung tâm huyện lỵ Tây Trà	7322598	2017-2020	2141/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	39.952	39.952	36.000	26.000		8.000					
	Khu Chính trị - Hành chính huyện Lý Sơn	7665885	2018-2022	2009/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80.000	80.000	55.000	36.500		18.000					
	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm nước cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	7669754	2018-2020	2040/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.000	75.000	13.500	2.000		5.000					
	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn II, thành phần I	7807448	2019-2022	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	1.200.000	1.200.000	500.000	194.400		80.000					
	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	7720895	2019-2023	1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	694.057	694.057	200.000	500		50.000					
	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xã	7720896	2019-2020	1923/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	135.000	135.000	120.000	40.200		50.000					
	Kênh tiêu, thoát nước Từ Ty (đoạn qua Phường Quảng Phú)	7721235	2019-2022	1890/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	79.892	79.892	50.000	14.100		27.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước
	Đường số 6 KCN Tịnh Phong	7721235	2019-2020	344/QĐ-BQL ngày 31/10/2018	26.545	26.545	20.000	10.100		9.000					
	Tôn tạo, nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng	7435500	2019-2020	1109/QĐ-UBND ngày 09/8/2019	9.915	9.915	8.000	100		7.000					
	Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục: đường trục phía Nam công viên	7721760	2019-2020	1929/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	40.000	40.000	30.000	15.200		14.000					
	Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025	7721761	2019-2021	1930/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	25.000	25.000	12.000	5.100		6.500					
	Tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	7664415	2019-2020	2036/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.949	14.949	12.000	5.200		6.800					
	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng CNSH phục vụ sản xuất nông nghiệp	7721674	2019-2020	3423/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	5.000	5.000	5.000	4.050		500					
	Nhà tiêu đội dân quân thường trực các xã trọng điểm (23 xã)	7004686	2019-2020	1888/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	27.000	27.000	20.000	12.100		7.000					
	Nhà làm việc công an 40 xã	7004692	2019-2020	1879/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	28.000	28.000	20.000	10.100		9.000					
	Đường vành đai Tây Bắc Thị trấn Châu Ô	7721463	2019-2021	1924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	69.000	69.000	30.000	15.100		11.950					
	Tuyến N9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	7724389	2019-2021	1921/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	82.000	82.000	35.000	16.100		12.000					
	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc	7726903	2019-2021	1931/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	50.000	50.000	45.000	25.100		15.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Tuyến đường ĐH.417 (Phố Ninh - Ba Khâm)	7722023	2019-2021	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.000	35.000	20.000	15.100		4.000					
	Đường Bờ hữu sông Phước Giang	7656103	2018-2020	1425/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	13.000	13.000	10.000	5.300		4.000					
	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	7640434	2019-2021	1864/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	55.000	55.000	15.000	7.400		7.000					
	Đường tránh đông huyện Nghĩa Hành	7724891	2019-2021	1925/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	80.000	80.000	30.000	15.100		14.000					
	Cầu Phủ thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi Nghĩa Hành	7721967	2019-2021	1898/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	24.150	24.150	20.000	10.150		9.000					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trà Bình đi Trà Tân, huyện Trà Bồng	7723487	2019-2020	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	22.000	22.000	19.000	15.100		3.000					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ngã 3 Trà Xinh đi thôn Trà Ôi, xã Trà Xinh	7723989	2019-2020	1394/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	15.000	15.000	13.000	8.100		4.000					
	Khắc phục các điểm sạt lở trên tuyến đường Trà Phong - Trà Thanh	7723990	2019-2020	1393/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.500	10.500	10.000	7.100		2.500					
	Đường Ba Chùa - Hành Tín Đông	7721077	2019 - 2022	1926/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	112.709	112.709	60.000	30.200		29.000					
	Khôi phục bộ xương cá Ông Lăng Tân (bao gồm nhà trưng bày)	7722801	2019-2020	1468/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.106	14.106	10.000	6.450		3.000					
	Hỗ trợ vốn các vùng chuyên canh cây nông nghiệp (đầu tư cây giống và hỗ trợ kỹ thuật)						66.325	30.000		26.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước
	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thành phố Quảng Ngãi (lưu vực ra sông Trà Khúc)		2020 - 2022		300.000	300.000	76.000	1.000		25.000					
	Đường du lịch vào Khu di chỉ văn hóa Sa Huỳnh		2020-2022		52.000	52.000	20.000	-		20.000					
	Nhà A3 Tỉnh ủy		2020-2023		65.400	65.400	20.500	500		20.000					
	Xây dựng mới Trạm kiểm soát biên phòng Sa Huỳnh	7004686	2020		6.500	6.500	5.000	-		5.000					
	Xây dựng khu tái định cư phục vụ nhân dân bị ảnh hưởng bởi dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	7770141	2019 - 2020				12.500			12.500					
	Trụ sở làm việc UBND huyện Sơn Tây	7790314	2020-2022		25.000	25.000	15.000			15.000					
	Hệ thống thoát nước trung tâm Thị Trấn Đức Phổ	7654201	2020-2022	2035/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	42.000	42.000	35.000			35.000					
<b>9</b>	<b>Bố trí thực hiện quy hoạch</b>									<b>50.000</b>					
<b>10</b>	<b>Vốn xố số kiến thiết</b>				<b>802.211</b>	<b>802.211</b>	<b>354.109</b>	<b>364.360</b>	<b>-</b>	<b>105.000</b>	<b>14.400</b>				
10.1	Bố trí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới									46.600					
10.2	Bố trí hoàn trả ứng trước				497.000	497.000	188.000	261.829	-	14.400	14.400				
	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	7274228	2014-2018	1611/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	497.000	497.000	188.000	261.829		14.400	14.400				
10.3	Thực hiện dự án				305.211	305.211	166.109	102.531	-	44.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Trường THPT Lê Trung Đình - Đền bù GPMB; xây dựng 12 phòng học, hội trường (giai đoạn 2)	7552957	2016-2018	21/QĐ-UBND, 12/01/2016	25.014	25.014	22.500	12.827		3.000					
	Trường GD trẻ khuyết tật - GPMB; XD nhà hiệu bộ, tường rào	7600053	2017	544/QĐ-SXD ngày 02/3/2017	7.197	7.197	7.000	5.308		1.000					
	Trường THPT chuyên Lê Khiết - Cải tạo, xây dựng phòng học, các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 1)	7653952	2018	2011/QĐ-UBND, 31/10/2017	55.000	55.000	45.609	30.609		15.000					
	Sửa chữa, nâng cấp trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm	7720835	2019-2021	3421/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.000	14.000	10.000	5.050		3.000					
	Nâng cấp BVĐK tỉnh lên hạng I	7646634	2018-2020		78.000	78.000	21.000	1.600		10.000					
	Bệnh viện y học cổ truyền	7330892	2019-2022	1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	126.000	126.000	60.000	47.137		12.000					
11	Vốn quỹ đất (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)				8.732.852	8.732.852	3.550.704	1.360.066	-	1.459.660	139.410				
11.1	Bố trí thực hiện dự án khai thác quỹ đất tỉnh quản lý				1.771.655	1.771.655	1.192.204	436.243	-	565.462	139.410				
	Khu dân cư Yên Phú	7243547	2011-2018	832/QĐ-UBND,	123.873	123.873	26.000	26.000		9.410	9.410				
	Khu Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	7519781	2015-2018	312/QĐ-UBND, 29/02/2016	101.957	101.957	100.000	90.244		9.756					
	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	7638395	2017-2020	1416/QĐ-UBND 01/8/2017	40.000	40.000	40.000	21.000		19.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ...(nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN					Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn km1027-km1045+780 và cây xanh tại nút giao thông dốc sỏi thuộc tuyến QL1A, tỉnh Quảng Ngãi	7595863	2017-2019	2150/QĐ-UBND 31/10/2016	44.476	44.476	40.000			40.000					
	Khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu Mới	7019494		932/QĐ-UBND, 20/6/2012; 1077/QĐ-UBND, 30/6/2015	641.777	641.777	354.900	110.300		100.000					
	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ Ngõ Sỹ Liên đến đường Hai Bà Trưng)	7583005	2016-2020	505/QĐ-UBND 31/3/2016, 1019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	220.204	220.204	220.204	54.200		149.296					
	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	7562226	2016-2018	446/QĐ-UBND 24/3/2016	246.537	246.537	181.100	67.500		75.000					
	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	7620905	2017-2019	1652/QĐ-UBND 01/9/2017	167.000	167.000	130.000	32.000		98.000	85.000				
	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	762806	2017-2019	1973/QĐ-UBND, 29/9/2017	185.831	185.831	100.000	34.999		65.000	45.000				
11.2	Bổ sung bố trí cho các dự án đang đầu tư từ nguồn cân đối				6.961.197	6.961.197	2.088.500	753.823		814.198	-				
	Cầu Cửa Đại	7274232	2017-2021	468/QĐ-UBND, 20/3/2017	2.250.000	2.250.000	500.000	217.350		200.000					
	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	7678250	2018-2021	1994/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.498.000	1.498.000	150.000			100.000					
	Cầu Sông Rìn	7709824	2018-2021	1680/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	245.000	245.000	130.000	40.000		34.198					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước
	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	7641539	2018-2020	2012/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	99.995	99.995	70.000	32.500		10.000					
	Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	7621599	2018-2022	1979/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	278.000	278.000	172.500	79.500		50.000					
	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	7561919	2016-2020	1964a/QĐ-UBND, 30/10/2015	296.459	296.459	190.000	163.573		30.000					
	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ Hùng Vương đến đường Ngô Sĩ Liên)	7777371	2019-2022	1022/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	99.686	99.686	100.000	25.000		50.000					
	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	7807448	2019-2022	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	1.200.000	1.200.000	500.000	194.400		190.000					
	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong		2019-2023	1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	694.057	694.057	200.000	500		100.000					
	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thành phố Quảng Ngãi (lưu vực ra sông Trà Khúc)	7808109	2020 - 2022		300.000	300.000	76.000	1.000		50.000					
11.3	Bố trí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền SDD						270.000	170.000		80.000					
I.2	Cấp huyện, thành phố quản lý				-	-	1.000.000	1.089.000	-	893.340					
1	Vốn đầu tư phân cấp các huyện, thành phố									353.000					
2	Vốn quỹ đất giao huyện, thành phố thu chi						1.000.000	1.089.000		540.340					
I.3	Cấp xã quản lý														



TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN					Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
II	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương						-		38.500						
A.2	Vốn ngân sách trung ương				5.093.528	4.887.979	2.299.737	1.167.803	-	1.838.728	50.061	2.250			
I	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia									813.552	-	-			
1	Chương trình xây dựng nông thôn mới									434.720					
2	Chương trình giảm nghèo bền vững									378.832					
II	Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu				3.735.562	3.735.562	1.563.319	897.385	-	455.529	50.061	2.250			
II.1	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ số 2085/QĐ-TTg									11.029					
II.2	Chương trình mục tiêu				3.735.562	3.735.562	1.563.319	897.385	-	435.000	50.061	2.250			
1	Bố trí hoàn trả vốn ứng trước									50.061	50.061				
	Tạm ứng NSTW năm 2009 để đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi									50.061	50.061				
2	Phân bổ các Chương trình mục tiêu				3.735.562	3.735.562	1.563.319	897.385	-	384.939	-	2.250			
2.1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng				984.213	984.213	552.245	403.411	-	102.000	-				
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020														
	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	7106543		1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	72.397	63.282		5.000					
	Đường Ba Bích - Ba Nam	7553566		1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	83.998	65.500		15.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Cảng Bến Đình	7246440		495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	256.796	256.796	200.000	196.000		4.000					
	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	7477513		2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	146.978	146.978	70.850	44.629		25.000					
	Đường Ba Tr - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	7605443		1691/QĐ-UBND ngày 16/9/2016	120.000	120.000	40.000	34.000		3.000					
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020</i>														
	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn			1825/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	130.000	130.000				10.000					
	Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (giai đoạn 1)			1110/QĐ-UBND ngày 14/6/2017	150.000	150.000	85.000			40.000					
2.2	<b>Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững</b>				60.928	60.928	25.000	18.000	-	7.000	-	-			
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020</i>														
	Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	7556413		139/QĐ-UBND, 22/01/2016	60.928	60.928	25.000	18.000		7.000					
2.3	<b>Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư</b>				250.000	250.000	193.074	120.074	-	85.000	-	-			
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020</i>														
	Đê Phổ Minh (giai đoạn 1)	7489963		1966c/QĐ-UBND,	80.000	80.000	68.074	43.074		25.000					
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020</i>														
	Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trà Bồng	7603659		2031/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	170.000	170.000	125.000	77.000		60.000					

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
2.4	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao				386.407	386.407	50.000	95.000	-	30.000	-	-			
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020														
	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	7564310		1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.531	239.531	10.000	65.000		20.000					
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020														
	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1	7602659		26/17/QĐ-UBND ngày 19/12/2016	146.876	146.876	40.000	30.000		10.000					
2.5	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm				509.971	509.971	20.000	16.000	-	4.000	-	-			
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020														
	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Q.Ngãi G.đoạn 2010 - 2015	7004686		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	20.000	16.000		4.000					
2.6	Chương trình mục tiêu Biên Đông-Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trọng điểm				688.000	688.000	619.000	163.000	-	40.000	-	2.250	-		
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020														
	Đường cơ động phía đông nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	7004686		2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	688.000	688.000	619.000	163.000		40.000		2.250			
2.7	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo				806.043	806.043	84.000	71.900	-	9.000	-	-			
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020														

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	7269438		896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	806.043	84.000	71.900		9.000					
2.8	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số				50.000	50.000	20.000	10.000	-	10.000					
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020														
	Trung tâm nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	7592949		1875/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	50.000	50.000	20.000	10.000		10.000					
II.3	Chương trình kiên cố hóa trường hợp học									9.500					
III	Nguồn dự phòng chung và 10 nghìn tỷ đồng									187.600					
IV	Nguồn vốn nước ngoài				1.357.966	1.152.417	736.418	270.418	-	382.047					
IV.1	Giải ngân theo cơ chế ghi thu, chi chu				1.084.021	947.441	540.063	190.240	-	265.870					
1	Lĩnh vực nông nghiệp, giảm nghèo				977.021	858.691	513.000	185.563	-	243.484					
*	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020														
	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi		2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015; 546/QĐ-UBND, 04/4/2016; 912/QĐ-UBND, 11/6/2018	337.725	319.950	140.000	103.637		33.484					
	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA 2)		2012-2021	1417/QĐ-UBND, 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND, 06/9/2017	201.986	177.141	33.000	7.341		10.000					
*	Danh mục dự án hoàn thành năm 2020														

TT	Nội dung	Mã số dự án	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm...	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020			KH điều chỉnh vốn đầu tư năm ... (nếu có)		
				Số, ngày, tháng, năm	Trong đó					Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSNN								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung – tỉnh Quảng Ngãi	7624218	2017-2020	542/QĐ-UBND, 29/3/2017	437.310	361.600	340.000	74.585		200.000					
2	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường				107.000	88.750	27.063	4.677	-	22.386					
*	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020														
	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	7678249	2017-2022	2198/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	107.000	88.750	27.063	4.677		22.386					
IV.2	Giải ngân theo cơ chế trong nước				273.945	204.976	196.355	80.178	-	116.177					
1	Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh				146.155	96.355	96.355	48.178	-	48.177					
*	Danh mục dự án hoàn thành năm 2020														
	Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phô Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	7721234	2018-2020	1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	146.155	96.355	96.355	48.178		48.177					
2	Lĩnh vực công thương				127.790	108.621	100.000	32.000	-	68.000					
*	Danh mục dự án hoàn thành năm 2020														
	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 (EU tài trợ)	7269438	2018-2020	3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018; 981/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	127.790	108.621	100.000	32.000		68.000					
B	NGUỒN THU ĐỀ LẠI ĐẦU TƯ CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NSNN														
	Nguồn ...														
	Nguồn ...														